TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 11 - 5 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Cúc;

Ông Nguyễn Ngọc Liễu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Lộc- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Ph, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình .(có mặt)

Bị đơn: Anh Hoàng Phi M – sinh năm: 1971

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Vũ Thị Mcó quan điểm trình bày như sau:

Chị Vũ Thị Mvà anh Hoàng Phi M là vợ chồng, trước khi đi đến kết hôn với nhau, anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 10/4/2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh đến khi chị sinh con thì hai vợ chồng chuyển về quê ngoại ở Thái Bình để sinh sống. một thời gian, ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình anh, chị không hợp nhau, hay cãi vã nên anh M đã bỏ đi làm ăn xa mà không nói với chị và cũng chính từ thời gian này anh, chị đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Sau khi anh M bỏ đi thì anh, chị cũng còn liên lạc với nhau một thời gian, đến cuối năm 2013 thì anh, chị không còn liên lạc gì với nhau nữa. Kể từ đó, chị M và những người thân trong gia đình nội, ngoại không ai còn tin tức gì về anh. Trước khi làm đơn khởi kiện xin ly hôn, chị đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh mất tích theo quy định của pháp luật. Nay trong thời gian chờ Tòa án giải quyết việc ly hôn thì cũng không có tin tức gì về anh. Để đảm bảo quyền lợi cho chị và con. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M và yêu cầu nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Hoàng Phi M và chị Vũ Thị M có 01 con chung là cháu Hoàng Vũ Thùy D - sinh ngày 19/4/2009. Hiện cháu Thùy D đang ở với chị nay xin ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Thùy D. Không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh M đang bị tuyên bố mất tích.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Phi M, ngày 27/12/2019, Tòa án đã tuyên bố anh mất tích nhưng đến nay cũng không thấy anh trở về địa phương sinh sống. Để đảm bảo đúng thủ tục tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại Chương X, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 26/02/2020 Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh Hoàng Phi M và chị Vũ Thị M. Cán bộ khu phố và chính quyền địa phương Phường Q, thành phố S cung cấp xác nhận, chị M và anh M kết hôn với nhau năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương, lễ cưới được hai bên gia đình đồng ý tổ chức. Sau khi cưới anh, chị không chung sống tại địa phương nên khu phố và chính quyền địa phương không nắm được tình trạng hôn nhân cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của anh chị. Hiện nay Tòa án nhân dân thành phố S đã tuyên bố mất tích đối với anh Hoàng Phi M. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa có mặt chị Vũ Thị M, vắng mặt anh Hoàng Phi M không có lý do, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu, quan điểm như đã trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị MViện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M, xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn với anh Hoàng Phi M.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao cho chị M tiếp tục chăm sóc cháu Hoàng Vũ Thùy D cho đến khi các cháu thành niên. Không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh M đang bị tuyên bố mất tích.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn có nơi cư trú tại Phường Q, Thành phố S, nên vụ án được xem xét, giải quyết tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do một trong các bên đương sự bị yêu cầu tuyên bố mất tích. Căn cứ vào Điều 203, 227, 228 và Điều 233 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố S đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho đương sự trong vụ án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Anh Hoàng Phi M và chị Vũ Thị M có quan hệ với nhau là vợ chồng, anh, chị đã thực hiện lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, Thái Bình vào năm 2009. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy thời kỳ hôn nhân của anh, chị được tính từ ngày anh chị đăng ký kết hôn và được công nhận là vợ chồng.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Sau khi kết hôn, anh Hoàng Phi M và chị Vũ Thị M có thời gian sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi chị M sinh con thì vợ chồng chuyển về Thái Bình để sinh sống, sau đó anh đi làm ăn xa thì anh, chị không ai còn liên lạc với nhau nữa. Ban đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai anh chị tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Do có nhiều bất đồng quan điểm nên anh M bỏ đi làm ăn xa nên đã dẫn đến tình trạng vợ chồng về tình cảm ngày càng xa cách, từ đó dẫn đến cuộc sống ly thân. Từ năm 2013 chị M đã không còn liên lạc gì với anh Hoàng Phi M nữa. Chính những nguyên nhân này đã phần nào làm thúc đẩy việc gia tăng mâu thuẫn giữa hai anh chị, mâu thuẫn đó không phải anh, chị không nhận ra nhưng anh M bỏ đi không có tung tích khiến cho hai anh chị không có cơ hội hàn gắn.Vì vậy, nguyên nhân và lý do xin ly hôn của chị Vũ Thị M đối với anh Hoàng Phi M là có cơ sở. Cần chấp nhận để chị được ly hôn với anh M.

[4] Về nguyện vọng con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Hoàng Phi M và chị Vũ Thị M có 01 con chung là cháu Hoàng Vũ Thùy D - sinh ngày 19/4/2009. Kể từ thời điểm anh M bỏ đi biệt tích đến nay cháu D đang ở với chị, do anh M bỏ đi biệt tích không để lại địa chỉ, tin tức, chị Vũ Thị M và người thân thích của anh cũng không ai biết thông tin gì về anh. Do đó nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu của chị là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.n Buộc chị M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0007227 ngày 10 tháng 2 năm 2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị M, chị M được ly hôn với anh Hoàng Phi M.

Về giao quyền nuôi con chung: Công nhận cháu Hoàng Vũ Thùy D, sinh ngày 19/4/2009 là con chung của anh Hoàng Phi M và chị Vũ Thị M. Giao cháu Hoàng Vũ Thùy D cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu thành niên. Khi trở về anh Hoàng Phi M có quyền qua lại,thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Anh M thực hiện các quyền dân sự theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2018/0007227 ngày 10/2/ 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. (Chị M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai có mặt chị Vũ Thị M, vắng mặt anh Hoàng Phi M, chị M được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND S;
- Đương sự
- Chi cục THADS TP S.
-UBND phường Q
-Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi